TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **66**/2019/QĐST-DS	*B, ngày 05 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: 1/ Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1967.

2/ Ông **Trương Văn M**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trương Văn M, bà Võ Thị S thừa nhận còn nợ chị Hồ Thị D số tiền vay là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Ông Trương Văn M, bà Võ Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho chị Hồ Thị D số tiền vay là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) vào ngày 10 hàng tháng, thời hạn trả tính từ ngày 10/10/2019 cho đến khi hết nợ.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu ông M, bà S trả lãi suất của số tiền nêu trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hồ Thị D giao trả lại cho ông Trương Văn M, bà Võ Thị S bản chính 02 (Hai) quyển Sổ theo dõi góp vốn chia lãi hộ xã viên (Sổ nghêu) sau khi ông Trương Văn M, bà Võ Thị S hoàn tất số nợ cho chị D theo như thỏa thuận trên. Cụ thể: Quyển 01 mang số 322 do Hợp tác xã

Thủy sản R cấp ngày 20/11/2014 mang tên chủ hộ Trương Văn M, sinh năm 1966, địa chỉ ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quyển 2 mang số 506 do Hợp tác xã Thủy sản R cấp ngày 22/3/2015 mang tên chủ hộ Trương Thị L, sinh năm 1990, địa chỉ ấp Q, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Hồ Thị D cho đến khi thi hành án xong, ông Trương Văn M, bà Võ Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Chị Hồ Thị D tự nguyện chịu án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà chị D đã nộp 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001364 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Hồ Thị D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trương Văn M, bà Võ Thị S phải chịu án phí là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Tuấn